

Số: 422/TB- HVKHCN

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2015

THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ ĐỢT 1 NĂM 2016

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ; Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 35/2012/TT-BGDĐT ngày 12/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án “Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020” (sau đây gọi tắt là Đề án 911); và Thông tư liên tịch số 130/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 19/9/2013 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ tài chính thực hiện Đề án 911;

Căn cứ Quyết định số 2348/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Khoa học và Công nghệ tổ chức hoạt động đào tạo từ năm học 2015-2016;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-HVKHCN ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Giám đốc Học viện Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy trình đào tạo Tiến sĩ;

Học viện Khoa học và Công nghệ tuyển sinh Nghiên cứu sinh đợt 1 năm 2016 với các chuyên ngành như sau:

I. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

I.1. Các chuyên ngành

STT	Chuyên ngành	Mã số	STT	Chuyên ngành	Mã số
Khoa Các khoa học trái đất			Khoa Khoa học và Công nghệ biển		
1	Địa mạo và cổ địa lý	62440218	24	Thủy sinh vật học	62420108
2	Địa chất học	62440201	Khoa Hóa học		
3	Địa vật lý	62440210	25	Kỹ thuật hóa học	62520301
4	Khoáng vật học và địa hóa học	62440205	26	Hóa hữu cơ	62440114
5	Vật lý địa cầu	62440111	27	Hóa vô cơ	62440113
Khoa Công nghệ sinh học			28	Hóa phân tích	62440118
6	Công nghệ sinh học	62420201	29	Hóa lý thuyết và Hóa lý	62440119
7	Di truyền học	62420121	30	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	62440117

8	Hóa sinh học	62420116	Khoa Khoa học vật liệu và Năng lượng		
9	Sinh lý học người và động vật	62420104	31	Vật liệu điện tử	62440123
10	Sinh lý học thực vật	62420112	32	Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử	62440127
11	Lý sinh học	62420115	33	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp	62440125
12	Vi sinh vật học	62420107	34	Kim loại học	62440129
Khoa Công nghệ thông tin và Viễn thông			Khoa Sinh thái tài nguyên và Môi trường		
13	Cơ sở toán học cho tin học	62460110	35	Thực vật học	62420111
14	Hệ thống thông tin	62480104	36	Sinh thái học	62420120
15	Khoa học máy tính	62480101	37	Động vật học	62420103
16	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	62520216	38	Côn trùng học	62420106
17	Toán ứng dụng	62460112	39	Kỹ thuật môi trường	62520320
Khoa Cơ học và Tự động hóa			40	Ký sinh trùng học	62420105
18	Cơ học vật rắn	62440107	41	Tuyển trùng học	Thí điểm
19	Cơ học chất lỏng	62440108	Khoa Vật lý		
20	Cơ kỹ thuật	62520101	42	Quang học	62440109
Khoa Địa lý			43	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	62440103
21	Địa lý tự nhiên	62440217	44	Vật lý nguyên tử	62440106
22	Địa lý tài nguyên và môi trường	62440219	45	Vật lý chất rắn	62440104
23	Thủy văn học	62440224			

I.2. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ 2016 của Học viện Khoa học và Công nghệ dự kiến là 300 chỉ tiêu. Số chỉ tiêu chính thức sẽ được thông báo sau khi Học viện nhận được Thông báo xác nhận chỉ tiêu đào tạo năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

I.3. Hình thức và thời gian đào tạo: Xét tuyển

- Hình thức đào tạo tập trung (học tập, nghiên cứu và sinh hoạt khoa học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo): thời gian đào tạo là 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- Hình thức đào tạo không tập trung (có ít nhất 12 tháng học tập, nghiên cứu và sinh hoạt khoa học tập trung tại cơ sở đào tạo): thời gian đào tạo là 4 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 5 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

I.4. Điều kiện dự tuyển

I.4.1. Điều kiện văn bằng

- Thí sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

- Thí sinh có bằng cử nhân đại học hệ chính quy đạt loại giỏi, khá (nếu đạt loại khá thì cần có thêm ít nhất 01 bài báo khoa học đã đăng hoặc chấp nhận đăng trong tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học chuyên ngành có phản biện) thuộc ngành, chuyên ngành đúng hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi, phải học bổ sung các học phần trình độ Thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng trong 2 năm đầu của thời gian đào tạo trình độ Tiến sĩ. Danh mục ngành phù hợp xem tại *Phụ lục I* của Thông báo này.

I.4.2. Có đề cương nghiên cứu chi tiết (hướng nghiên cứu và các yêu cầu chi tiết xem tại *Phụ lục II* và *Phụ lục III* của Thông báo này)

I.4.3. Thư giới thiệu: Có 02 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 06 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh.

I.4.4. Trình độ ngoại ngữ

Người dự tuyển khi nộp hồ sơ phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây (một trong sáu thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật):

a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 02 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1.

b) Bằng tốt nghiệp đại học chính quy hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

Ghi chú: Bằng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 xem tại *Phụ lục IV* của Thông báo này.

I.4.5. Kinh nghiệm làm việc: có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự tuyển (từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển).

I.4.6. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu người đã có việc làm), hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận.

I.4.8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ học tập, nghiên cứu và chế độ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Học viện.

II. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIỀN SĨ THEO ĐỀ ÁN 911 – PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO TRONG NƯỚC

II.1. Các chuyên ngành

TT	Chuyên ngành	Mã số	STT	Chuyên ngành	Mã số
Khoa Khoa học vật liệu và Năng lượng			Khoa Vật lý		
1	Vật liệu điện tử	62440123	4	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	62440103
2	Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử	62440127	5	Vật lý chất rắn	62440104
3	Quang học	62440109	6	Vật lý nguyên tử	62440106

II.2. Đối tượng tuyển sinh

2.a, Giảng viên (biên chế hoặc hợp đồng) của các đại học, học viện, trường đại học (gọi chung là trường đại học) và cao đẳng trong cả nước;

2.b, Nghiên cứu viên (biên chế hoặc hợp đồng) của các Viện nghiên cứu khoa học, những người có năng lực và trình độ chuyên môn giỏi đang làm việc ngoài nhà trường, có nguyện vọng và cam kết làm giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng sau khi được đào tạo.

2.c, Người mới tốt nghiệp đại học loại giỏi hoặc thạc sĩ loại khá trở lên (trong vòng 12 tháng tính đến ngày dự tuyển), có nguyện vọng và cam kết trở thành giảng viên trường đại học, cao đẳng sau khi được đào tạo.

II.3. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển các chuyên ngành đào tạo theo dự án 911 phải đáp ứng các điều kiện dự tuyển sau đây:

3.a. Điều kiện về văn bằng:

- Có bằng thạc sĩ và bằng tốt nghiệp đại học chính quy đạt loại khá trở lên;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy đạt loại giỏi trở lên. Sinh viên tốt nghiệp chương trình tiên tiến, kỹ sư chất lượng cao, cử nhân tài năng có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên.

Trường hợp tốt nghiệp đại học ở nước ngoài thì việc đánh giá loại tốt nghiệp, kết quả học tập theo quy định về đánh giá và thang điểm của cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc xét tương đương theo đánh giá xếp loại của Việt nam, gửi đến Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, công nhận.

3.b. Được một trường ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên sau khi tốt nghiệp;

3.c. Có công văn cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ theo đề án 911 của đơn vị chủ quản (áp dụng cho đối tượng 2.a) hoặc của trường nơi ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên sau khi tốt nghiệp (áp dụng cho đối tượng 2.b & 2.c);

3.d. Riêng đối tượng 2.b và 2.c: phải được một trường đại học, cao đẳng đồng ý tiếp nhận về làm giảng viên sau khi được đào tạo.

3.e. Không quá 45 tuổi (tính đến thời điểm đăng ký dự tuyển);

3.f. Các điều kiện dự tuyển khác (xem mục I.4) theo quy định tại Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ hiện hành.

3.g. Cam kết thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của NCS, bố, mẹ hoặc người bảo lãnh (người mới tốt nghiệp).

III. HỒ SƠ TUYỂN SINH

III.1. Hồ sơ dự tuyển:

- Đơn đăng ký dự tuyển (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương;
- Lý lịch khoa học được thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;
- Công văn giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ quan quản lý nhân sự (đối với người đã có việc làm) hoặc trường (nếu là sinh viên vừa tốt nghiệp). Không yêu cầu mục này với thí sinh làm nghề tự do.
- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa;
- Bản sao có công chứng các văn bằng chứng chỉ sau:
 - + Bằng tốt nghiệp và bằng điểm Thạc sĩ, Đại học; (02 bản)
 - + Chứng chỉ ngoại ngữ.
- Đề cương nghiên cứu chi tiết (06 bản);
- Bản sao các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đã công bố (6 bản, yêu cầu bắt buộc đối với thí sinh tốt nghiệp Đại học đạt loại Khá);
- Hai thư giới thiệu (02 bản);
- 03 ảnh 4x6 (mới chụp, mặt sau ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, 04 phong bì A6).
- + **Nếu dự tuyển theo Đề án 911 (đào tạo trong nước) cần bổ sung giấy tờ sau:**
 - Công văn cử đi dự tuyển của trường nơi ứng viên công tác (áp dụng cho đối tượng 2.a) hoặc nơi ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên sau khi tốt nghiệp (áp dụng cho đối tượng 2.b & 2.c);
 - Bản sao hợp lệ các hợp đồng làm việc, quyết định tuyển dụng và đồng ý cho chuyển công tác (nếu có); hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên của trường cử đi học;
 - Văn bản cam kết thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ tài chính giữa NCS, bố, mẹ hoặc người bảo lãnh và trường cử nghiên cứu sinh đi đào tạo.

III.2. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ:

- Thời gian: trước 17h00 ngày 01/3/2016.
- Địa điểm:

+ Học viện Khoa học và Công nghệ, Tầng 4 Tòa nhà Đào tạo – Dịch vụ, 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội: (04)32 121286.

CN. Phạm Thị Như Quỳnh: 0916467768.

ThS. Trần Phương Thúy: 0945050052

+ Viện Hải dương học, Số 1, Cầu Đá, Nha Trang, Khánh Hòa.

TS.Hồ Văn Thệ: 0983883559.

+ Viện Khoa học vật liệu ứng dụng, Phòng 5, Tầng 4, Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

TS. Nguyễn Thị Kim Phụng: 0909792142.

Chú ý: Thí sinh có thể tải Đơn xin dự tuyển, Lý lịch khoa học, Thư giới thiệu, Mẫu bài luận, Mẫu đề cương nghiên cứu và Thông báo tuyển sinh trên trang web: <http://www.gust.edu.vn>.

III.3. Thời gian, địa điểm xét tuyển

- Dự kiến trong tháng 3 năm 2016.
- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến trước ngày 15/4/2016.
- Thời gian nhập học: Sẽ thông báo sau khi có Quyết định công nhận NCS.

Nhận được thông báo này, trân trọng đề nghị Quý cơ quan thông báo rộng rãi đến cán bộ, công nhân, viên chức trong cơ quan.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Viện HL KHCN VN (để b/c);
- Các trường Đại học, Học viện, Cao đẳng, Viện nghiên cứu;
- Các Sở Giáo dục & Đào tạo;
- Lưu VT, ĐT.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
GIÁM ĐỐC**



GS.TSKH. Dương Ngọc Hải



Phụ lục I

DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Kèm theo Thông báo số **422** /TB-HVKhCN ngày **08** / **12** /2015 của Giám đốc Học viện Khoa học và Công nghệ)

	Ngành dự tuyển	Ngành phù hợp	Các học phần bổ sung (các học phần bổ sung sẽ được thông báo sau khi được xét tuyển)
1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	
2	Vật lý nguyên tử	Vật lý nguyên tử, Kỹ thuật hạt nhân	
3	Vật lý chất rắn	Vật lý chất rắn	
4	Quang học	Quang học	
5	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa hữu cơ, hóa dầu, hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa phân tích, Hóa vô cơ, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Kim loại học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học	
6	Hóa phân tích	Hóa phân tích, Hóa hữu cơ, hóa dầu, hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa vô cơ, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Kim loại học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học	
7	Hóa hữu cơ	Hóa hữu cơ, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa vô cơ, hóa dầu, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Kim loại học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học	



8	Kỹ thuật hóa học	Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật vật liệu, Hóa hữu cơ, hóa dầu, Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Kim loại học, Khoa học môi trường, Hóa vô cơ, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học	
9	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa dầu và xúc tác hữu cơ, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và hóa lý, Hóa môi trường, Hóa dược, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Hóa sinh học	
10	Hóa vô cơ	Hóa hữu cơ, hóa dầu, hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Kim loại học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học	
11	Sinh thái học	Sinh thái học, Thực vật học, Ký sinh trùng học, Côn trùng học, Tuyến trùng học, Động vật học...	
12	Thực vật học	Thực vật học, Sinh thái học, Ký sinh trùng học, Côn trùng học, Động vật học, Tuyến trùng học...	
13	Ký sinh trùng học	Ký sinh trùng học, Sinh thái học, Thực vật học, Côn trùng học, Động vật học, Tuyến trùng học....	
14	Côn trùng học	Côn trùng học, Sinh thái học, Thực vật học, Ký sinh trùng học, Tuyến trùng học, Động vật học...	

15	Kỹ thuật môi trường	Khoa học - công nghệ, Kỹ thuật sinh học, Hóa học, Hoá lý, các quá trình thiết bị công nghệ hoá học.	
16	Tuyển trường học	Tuyển trường học, Sinh thái học, Thực vật học, Ký sinh trùng học, Tuyển trường học, Động vật học...	
17	Động vật học	Động vật học, Sinh thái học, Thực vật học, Ký sinh trùng học, Côn trùng học, Tuyển trường học...	
18	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật, Công nghệ Cơ điện tử, Tự động hóa, Kỹ thuật hàng không, ngành Điều khiển tự động, Thủy văn, Khí tượng, Hải dương học, Tin học xây dựng, Kỹ thuật công trình xây dựng...	
19	Cơ vật rắn	Cơ chất rắn, toán - cơ, Vật lý chất rắn, Vật lý lý thuyết và vật lý toán, Khoa học vật liệu, ...	
20	Cơ chất lỏng	Cơ chất lỏng, Thủy văn học, Khí tượng, Hải dương học, toán - cơ ...	
21	Địa lý tự nhiên	Địa lý tự nhiên, Khí tượng và khí hậu học, Địa lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài chuyên và môi trường, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Địa lý học, Quản lý đất đai	
22	Địa lý tài nguyên và môi trường	Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Địa lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài chuyên và môi trường, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Địa chất thủy văn, Địa chất công trình	
23	Thủy văn học	Thủy văn học, Kỹ thuật tài nguyên nước, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường...	
24	Vật liệu điện tử	Vật lý, Vật lý kỹ thuật, Công nghệ nano, Khoa học vật liệu, Vật liệu điện tử, Quang học, Hóa học, Dược học.	

25	Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử	Vật lý, Vật lý kỹ thuật, Quang học, Công nghệ nano, Khoa học vật liệu, Hóa học, Dược học.	
26	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp	Hóa học, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Dược học.	
27	Kim loại học	Vật lý, Luyện kim (Kim loại đen, luyện kim màu, nhiệt luyện, xử lý bề mặt), Khoa học vật liệu, công nghệ cơ khí, công nghệ vật liệu, công nghệ gia công vật liệu	
28	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính	
29	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin	
30	Toán ứng dụng	Toán ứng dụng	
31	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
32	Cơ sở toán học cho tin học	Cơ sở toán học cho tin học	
33	Địa chất học	Khoa học Môi trường, Môi trường đất và nước, Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý, Quản lý tài nguyên và môi trường	
34	Khoáng vật học và địa hóa học	Địa chất học, Khoa học Môi trường, Môi trường đất và nước	
35	Địa mạo và Cổ địa lý	Địa lý tự nhiên, Địa lý Tài nguyên và Môi trường, Địa chất học, Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
36	Địa vật lý	Địa chất học, Kỹ thuật địa vật lý, Kỹ thuật thăm dò và khảo sát	

37	Vật lý Địa cầu	Khí tượng và khí hậu học, Thiên văn học, Khoa học môi trường, Môi trường không khí...	
38	Thủy sinh vật học	Sinh thái học, Công nghệ sinh học, Nuôi trồng thủy sản, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Thực vật học, Động vật học, Côn trùng học (Côn trùng mắt nước), Tuyển trùng học (tuyển trùng biển), Sinh học thực nghiệm, Sinh học – môi trường.	
39	Sinh lý học người và động vật	Sinh lý học người và động vật, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Hóa sinh học, Chăn nuôi, Thú y, Bệnh lý học và chữa bệnh thủy sản.	
40	Vĩ sinh vật học	Vĩ sinh vật học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Vĩ sinh y học.	
41	Sinh lý học thực vật	Sinh lý học thực vật, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học.	
42	Hóa sinh học	Hóa sinh học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Hóa môi trường, Hóa sinh được.	
43	Di truyền học	Di truyền học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Di truyền và chọn giống cây trồng, Chăn nuôi, Lâm học.	
44	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học, Sinh học thực nghiệm, Di truyền học, Sinh học thực nghiệm, Di truyền và chọn giống cây trồng, Chăn nuôi, Lâm học, Sinh lý học người và Động vật, Thú y, Bệnh lý học và chữa bệnh thủy sản, Vĩ sinh vật học, Vĩ sinh y học, Sinh lý học thực vật, Hóa sinh học, Hóa sinh được.	
45	Lý sinh học	Lý sinh học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Lý sinh y học.	



7. Dự kiến kết quả đạt được

Nêu các kết quả dự kiến đạt được, các đóng góp mới về khoa học và thực tiễn.

8. Danh mục tài liệu tham khảo mà thí sinh đã cập nhật làm cơ sở đề xuất đề tài tiến sĩ

Danh mục tài liệu tham khảo trình bày theo quy định. Trình bày tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt trước (xếp tên tác giả theo alphable) và tài liệu tiếng Anh sau (xếp tên tác giả theo alphable).

Mẫu trang bìa chính

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ĐỀ CƯƠNG
DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH KHÓA/20...

Tên đề tài:

“.....”

Tên dự tuyển: **Nguyễn Văn A**

Cơ quan công tác:.....

HÀ NỘI, tháng .../20....

Mẫu trang bìa phụ

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ĐỀ CƯƠNG
DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH KHÓA/20...

Tên đề tài:

“ ”

Chuyên ngành đào tạo:

Mã số:

Tên dự tuyển: **Nguyễn Văn A**

Cơ quan công tác:.....

Người hướng dẫn khoa học:

1.....

2.....

HÀ NỘI, tháng .../20...



Phụ lục IV

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1 KHUNG CHÂU ÂU**

Để xét trình độ ngoại ngữ của thí sinh dự tuyển nghiên cứu sinh

(Theo Thông tư số 05/2012/TT- BGDDT ngày 15/02/2012 và Công văn số 3762/BGDDT - GDĐH ngày 05/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và
Kèm theo Thông báo số 422 /TB-HVKHCN ngày 08 / 12 / 2015 của Giám đốc Học viện Khoa học và Công nghệ)

1. Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
B1	4.5	450 PBT 450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

2. Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
B1	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4